

## **CHỦ ĐỀ 15: SINH NHẬT**

### **BÀI 1: ANH ÊNH INH (tiết 1 – 2, SHS, tr. 150 – 151)**

#### **I. MỤC TIÊU**

Giúp HS:

1.a. Biết trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề (và tranh chủ đề, nếu có) gọi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Sinh nhật* (*bánh kem, bong bóng, thổi nến,...*).

1.b. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần *anh, ênh, inh* (*bánh kem, bình hoa, bập bênh...*)

2. Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của vần *anh, ênh, inh*. Đánh vần, ghép tiếng và hiểu nghĩa từ chứa vần có âm cuối “nh”.

3. Viết được các vần *anh, ênh, inh* và các tiếng, từ ngữ có các vần *anh, ênh, inh*. Viết đúng cách viết nối thuận lợi và nối không thuận lợi.

4. Đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được bài ứng dụng và hiểu nội dung của bài ứng dụng ở mức độ đơn giản.

5. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.

#### **II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- SHS, SGK
- Thẻ từ, chữ có các vần *anh, ênh, inh*.
- Bảng phụ ghi nội dung cần luyện đọc.
- Tranh chủ đề (nếu có).

#### **III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

##### **TIẾT 1**

##### **1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ**

- HS có thể tham gia trò chơi có cài đặt *anh, ênh, inh* liên quan đến chủ đề *Sinh nhật*.
- Một vài HS đọc, viết, đặt câu (nói) một số từ có tiếng chứa vần kết thúc bằng “p”.

##### **2. Khởi động**

- HS mở SHS, trang 150.
- HS lắng nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Sinh nhật*, phỏng đoán nội dung chủ đề, quan

sát tranh minh hoạ chủ đề nếu có, nêu những từ ngữ có liên quan đến chủ đề (*bánh, sinh nhật, gia đình, vui tươi, mến yêu, ...*).

– HS quan sát tranh khởi động, nói về các sự vật, hoạt động, trạng thái trong tranh (*đón sinh nhật, quà bánh, bập bênh*).

– HS nêu các tiếng đã tìm được (*bánh, sinh, lênh khênh*); phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng.

– HS phát hiện ra các vần *anh, ênh, inh*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*anh ênh inh*).

### 3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

#### 3.1. Nhận diện vần mới

##### a. Nhận diện vần *anh*

– HS quan sát, phân tích vần *anh* (gồm âm *a* và âm *nh*, âm *a* đứng trước âm *nh*).

– HS đánh vần vần *anh*: *a-nhờ-anh*<sup>1</sup>.

##### b. Nhận diện vần *ênh* (tương tự như với vần *anh*)

##### c. Nhận diện vần *inh* (tương tự như với vần *anh*)

##### d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *anh, ênh, inh*

– HS so sánh vần *anh, ênh, inh*.

– HS nêu điểm giống nhau (đều có âm *nh* đứng cuối vần).

#### 3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “nh”.

– HS phân tích tiếng đại diện – *bánh* (gồm âm *b*, vần *anh* và thanh sắc).

– HS đánh vần tiếng đại diện theo mô hình: *bờ-anh-banh-sắc-bánh*.

– HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: *sinh* (*sờ-inh-sinh*), *khênh* (*khờ-ênh-khênh*), ...

### 4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

#### 4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *bánh kem*

– HS phát hiện từ khoá *bánh kem*, vần *anh* trong tiếng *bánh* của từ *bánh kem*.

– HS đánh vần tiếng khoá *bánh*: *bờ-anh-banh-sắc-bánh*.

– HS đọc trơn từ khoá *bánh kem*.

<sup>1</sup> Xét về phương diện ngữ âm, chữ cái “a” trong các vần “anh, ach” được ghi cho nguyên âm “e” (/ɛ/). Tuy nhiên, để thuận tiện cho HS trong việc đánh vần, ghi nhớ vần, viết chính tả (và cũng nhất quán với các trường hợp xử lý đánh vần trong các khuôn vần như *au, ay, oa, oay, ...* tác giả chọn cách thức hướng dẫn đánh vần theo tên chữ ghi âm.

4.2. **Đánh vần và đọc trơn từ khoá bập bênh** (tương tự với từ khoá bánh kem)

4.2. **Đánh vần và đọc trơn từ khoá bình** (tương tự với từ khoá bánh kem)

## 5. Tập viết

### 5.1. **Viết vào bảng con**

a. **Viết vần *anh* và từ *bánh***

#### a1. **Viết vần *anh***

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *anh* (gồm chữ *a* và chữ *nh*, chữ *a* đứng trước, chữ *nh* đứng sau).

– HS viết vần *anh* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

#### a2. **Viết từ *bánh***

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo chữ *bánh* (chữ *b* đứng trước, vần *anh* đứng sau, dấu ghi thanh sắc đặt trên chữ *a*).

– HS viết từ *bánh* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

b. **Viết vần *ênh* và từ *bập bênh*** (tương tự viết *anh*, *bánh*)

c. **Viết vần *inh* và từ *bình*** (tương tự viết *anh*, *bánh*)

### 5.2. **Viết vào vở tập viết**

– Viết vào VTV: *anh*, *bánh*, *ênh*, *bập bênh*, *inh*, *bình*.

– HS nhận xét bài mình, bài bạn; sửa lỗi nếu có.

– HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với bài của mình.

### 5.3. **Tập viết hạ cỡ chữ**

– HS nghe GV giới thiệu lại kỹ thuật hạ cỡ chữ theo nhóm chữ có độ cao 2 ô li.

– HS viết vào bảng con một vài chữ thuộc nhóm chữ theo độ cao 2 ô li (VD: *d*, *đ*, ...).

– HS viết vào vở các con chữ trên.

## TIẾT 2

## 6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

### 6.1. **Nhận diện, đánh vần, đọc trơn và hiểu nghĩa các từ mở rộng**

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *anh*, *ênh*, *inh* (*chụp ảnh*, *công kênh*, *gia đình*).

- HS giải thích nghĩa của các từ mở rộng và đặt câu với một, hai từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có chứa *anh, ênh, inh* (VD: *tranh, xanh, xinh, kính, ...*) và đặt câu.

### 6.2. Đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần nhỏ tiếng có âm, vần khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung của đoạn, bài (VD: “Vào ngày đầu của mỗi tháng, lớp học của bạn nhỏ có gì vui?”, “Các nhóm chuẩn bị những gì?”, “Cả lớp làm gì trong ngày đó?”, “Em có thích được tổ chức sinh nhật ở lớp không?”, ...).

### 7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Nói lời cảm ơn*.
- HS quan sát tranh phát hiện được nội dung tranh (GV có thể hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: “Tranh vẽ những ai?, Họ đang làm gì?”, GV yêu cầu HS đọc câu trong bóng nói).
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói lời cảm ơn khi nhận quà sinh nhật, nhận lời chúc mừng sinh nhật/ lời chúc mừng nói chung (GV có thể hướng dẫn HS qua các câu hỏi gợi ý: “Cảm ơn về điều gì?”, “Cảm ơn ai?”, “Cảm ơn khi nào?”, “Cảm ơn như thế nào?” (tư thế, khoảng cách, ánh mắt, gương mặt, cử chỉ, điệu bộ),... theo tinh thần của việc hướng dẫn HS thực hiện nghi thức lời nói: *nói lời cảm ơn để đáp lại lời chúc mừng*; GV có thể tổ chức cho HS đóng vai).
- HS thực hành nói lời cảm ơn để đáp lại lời chúc mừng (nhóm, trước lớp).
- HS nêu việc vận dụng bài tập nói lời cảm ơn khi về nhà, khi tham gia các hoạt động,...

### 8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *anh, ênh, inh*.
- Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; đọc mở rộng (lưu ý hướng dẫn cách tìm bài có liên quan chủ đề của tuần).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *uou*).

## **BÀI 2: ƯƠU (tiết 3 – 4, SHS, tr.152 – 153)**

### **I. MỤC TIÊU**

(Trương tự bài 1: thay *anh, ênh, inh* bằng *ươu*)

### **II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

(Trương tự bài 1: thay *anh, ênh, inh* bằng *ươu*)

### **III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

#### **TIẾT 1**

##### **1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ**

- HS tham gia trò chơi có cài đặt *ươu* liên quan đến chủ đề *Sinh nhật*.
- Một vài HS đọc, viết từ ngữ; nói câu có tiếng chứa vần *anh, ênh, inh*.

##### **2. Khởi động**

- HS mở SHS, trang 152.
- HS quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *ươu* (*hươu, khướu, bướu lạc đà*).
- HS nêu các tiếng đã tìm được (*hươu, khướu, bướu*); HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng.
- HS phát hiện ra vần *ươu*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*ươu*).

##### **3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới**

###### **3.1. Nhận diện vần mới**

- HS quan sát, phân tích vần *ươu*.
- HS đánh vần vần *ươu*: *u-ơ-u-ươu<sup>1</sup>*.

###### **3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng**

- HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “*u*”.
- HS phân tích tiếng đại diện – *hươu* (gồm âm *h*, vần *ươu*).
- HS đánh vần tiếng đại diện theo mô hình: *hờ-ươu-hươu*.

<sup>1</sup> Xét về phương diện ngữ âm, các nguyên âm đôi cần đọc lướt từ âm này sang âm kia, VD: *ia* (*ia, ya, iê, yê*), *ua* (*ua, uô*), *ư* (*ư, ươ*). Tuy nhiên, để thuận tiện cho HS trong việc đánh vần, ghi nhớ vần, viết chính tả (và cũng nhất quán với các trường hợp xử lý đánh vần trong các khuôn vần như *anh, ach, au, ay...* tác giả chọn cách thức hướng dẫn đánh vần theo tên chữ ghi âm.

#### 4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

- HS phát hiện từ khoá *hươu sao*, vần *ươu* trong tiếng *hươu* của từ *hươu sao*.
- HS đánh vần và đọc trơn tiếng khoá *hươu*: *hờ-ươu-hươu*.
- HS đọc trơn từ khoá *hươu sao*.

#### 5. Tập viết

##### 5.1. Viết vào bảng con

###### a. Viết vần *ươu*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *ươu* (chữ *ư* đứng trước, chữ *ơ* đứng giữa, chữ *u* đứng sau cùng).
- HS viết vần *ươu* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

###### b. Viết từ *hươu sao*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo chữ *hươu* (chữ *h* đứng trước, vần *ươu* đứng sau).
- HS viết từ *hươu sao* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

##### 5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết vào VTV: *ươu, hươu sao*.
- HS nhận xét bài mình, bài bạn; sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với bài của mình.

##### 5.3. Tập viết hạ cỡ chữ

- HS nghe GV giới thiệu lại kĩ thuật hạ cỡ chữ theo nhóm chữ có độ cao 2 ô li.
- HS viết vào bảng con một vài chữ thuộc nhóm chữ theo độ cao 2 ô li (VD: *p, q, ...*).
- HS viết vào vở các con chữ trên.

### TIẾT 2

#### 6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

##### 6.1. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn và hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *ươu* (*khươu, ốc bươu, bươu lạc đà*).
- HS giải thích nghĩa của các từ mở rộng và đặt câu với một, hai từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có chứa *ươu* (*nướu, rươu,...*) và đặt câu.

### 6.2. Đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần nhỏ chữ có âm vần khó (*buou, hươu, đính...*) và đọc bài đọc.

– HS tìm hiểu nội dung của đoạn, bài (“Quà sinh nhật của Thịnh có những gì?”, “Cục len ở đỉnh nón giống như gì?”, “Cái gối chị tặng Thịnh có hình gì?”).

### 7. Hoạt động mở rộng

– HS đọc câu lệnh *Trò chơi gì?*

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (GV có thể hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: “Tranh vẽ những ai?, Họ đang làm gì?”, GV yêu cầu HS đọc câu trong bóng nói.).

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: *Bịt mắt đoán đồ vật* (GV hướng dẫn HS bày đồ vật lên bàn, lấy dải ruy băng/ khăn bịt mắt, cầm đồ chơi lên gọi tên, màu sắc, công dụng, tình cảm với đồ vật đó...).

– HS thực hiện bài tập (nhóm, trước lớp).

### 8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *ươu*.

– Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; đọc mở rộng (lưu ý hướng dẫn cách tìm bài có liên quan chủ đề của tuần).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (*Bài iêu, yêu*).

## **BÀI 3: IÊU YÊU (tiết 5 – 6, SHS, tr. 154 – 155)**

### I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *anh, ênh, inh* bằng *iêu, yêu*)

### II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *anh, ênh, inh* bằng *iêu, yêu*)

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1

#### 1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS có thể tham gia trò chơi có cài đặt *iêu, yêu* liên quan đến chủ đề *Sinh nhật*.

– Một vài HS đọc, viết từ ngữ; nói câu có tiếng chứa vần *ươu*.

## 2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 154.
- HS quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *iêu, yêu* (Có thể sử dụng một số câu hỏi gợi ý giúp HS phát hiện tiếng có vần *iêu, yêu*, VD: “Các bạn nhỏ đang làm gì?” (*thả diều*), “Vào buổi nào trong ngày?” (*buổi chiều*), “Cạnh bình trà là đĩa hạt gì?” (*hạt diều*)<sup>1</sup>, “Tình cảm của bà khi nhìn các bé thế nào?” (*yêu thương*)).
- HS nêu các tiếng đã tìm được (*diều, chiều, diều, yêu*); phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng.
- HS phát hiện ra các vần *iêu, yêu*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*iêu yêu*).

## 3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

### 3.1. Nhận diện vần mới

#### a. Nhận diện vần *iêu*

- HS quan sát, phân tích vần *iêu* (gồm âm *i, ê* và *u*, âm *i* đứng trước, âm *ê* đứng giữa, âm *u* đứng cuối).
- HS đánh vần vần *iêu*: *i-ê-u-iêu*.

b. Nhận diện vần *yêu* (tương tự như với vần *iêu*; GV có thể giải thích: khác ở điểm *i* ngắn và *y* dài)

#### c. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *iêu, yêu*

- HS so sánh vần *iêu, yêu* (với vần ở bài 2).
- HS nêu điểm giống nhau (đều có âm *u* đứng cuối vần).

### 3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “*u*”.
- HS phân tích tiếng đại diện – *diều* (gồm âm *đ*, vần *iêu* và thanh huyền).
- HS đánh vần tiếng đại diện theo mô hình: *đờ-iêu-diều-huyền-diều*.
- HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: *yêu (yêu)*.

## 4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

### 4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá hạt diều

- HS phát hiện từ khoá *hạt diều*, vần *iêu* trong tiếng *diều* của từ *hạt diều*.
- HS đánh vần tiếng khoá *diều*: *đờ-iêu-diều-huyền-diều*.

<sup>1</sup> GV có thể chỉ dẫn và giải thích (đĩa) *hạt diều* bằng tranh hoặc vật thật.



– HS đọc trơn từ khoá *hạt điều*.

**4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *yêu quý* (tương tự với từ khoá *hạt điều*)**

## **5. Tập viết**

### **5.1. Viết vào bảng con**

**a. Viết vần *iêu* và từ *hạt điều***

#### **a1. Viết vần *iêu***

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *iêu*.

– HS viết vần *iêu* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

#### **a2. Viết từ *hạt điều***

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo chữ *điều*.

– HS viết từ *hạt điều* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

**b. Viết vần *yêu* và từ *yêu quý* (tương tự viết *iêu*, *hạt điều*)**

### **5.2. Viết vào vở tập viết**

– HS viết vào VTV: *iêu*, *hạt điều*, *yêu*, *yêu quý*.

– HS nhận xét bài mình, bài bạn; sửa lỗi nếu có.

– HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với bài của mình.

## **TIẾT 2**

## **6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn**

### **6.1. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn và hiểu nghĩa các từ mở rộng**

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *iêu*, *yêu* (*bảng hiệu*, *yếu điệu*, *thả điều*, *gia đình thân yêu*).

– HS giải thích nghĩa của các từ mở rộng và đặt câu với một, hai từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có chứa *iêu*, *yêu* (*kiểu*, *yếu*, *thiếu*, *kiểu*, ...) và đặt câu.

### **6.2. Đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng**

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chứa vần vừa học có trong bài đọc.

– HS đánh vần nhỏ chữ có âm vần khó (*Điệu*, *nhieu*, *yêu*...), đọc bài đọc ứng dụng.

– HS tìm hiểu nội dung của bài đọc (“Bạn Diệu đã làm gì nhân dịp sinh nhật của mình?” (vẽ tranh), “Tranh bạn vẽ những gì?” (bé và ba mẹ đi chợ Tết), “Diệu viết những chữ gì trên bức tranh?” (Con yêu ba mẹ nhiều lắm)).

### 7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Nói lời chúc mừng*.
- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (GV có thể hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: “Tranh vẽ những ai?, Họ đang làm gì?”, GV yêu cầu HS đọc câu trong bóng nói).
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói lời chúc mừng nhân dịp sinh nhật (GV có thể hướng dẫn HS qua các câu hỏi gợi ý: “Chúc mừng ai?, Chúc mừng về điều gì? Chúc mừng nhân dịp gì?, “Chúc mừng như thế nào?” (tu thể, khoảng cách, ánh mắt, gương mặt, cử chỉ, điệu bộ),... theo yêu cầu của việc hướng dẫn HS thực hiện nghi thức lời nói: *nói lời chúc mừng*; GV có thể tổ chức cho HS đóng vai: chúc mừng sinh nhật bạn/anh chị/cha mẹ/ông bà/thầy cô,...; hướng dẫn HS dùng từ xưng hô phù hợp).
- HS thực hành nói lời chúc mừng (nhóm, trước lớp).
- HS nêu việc vận dụng bài tập nói lời chúc mừng trong những tình huống khác khi về nhà, khi tham gia các hoạt động,...

### 8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *iêu, yêu*.
- Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; đọc mở rộng (lưu ý hướng dẫn cách tìm bài có liên quan chủ đề của tuần).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *uôi, ươ*).

## **BÀI 4: UÔI ƯƠI (tiết 7 – 8, SHS, tr. 156 – 157)**

### I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *anh, ênh, inh* bằng *uôi, ươ*)

### II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *anh, ênh, inh* bằng *uôi, ươ*)

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1

#### 1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS có thể tham gia trò chơi có cài đặt *uôi, ươ* liên quan đến chủ đề *Sinh nhật*.
- Một vài HS đọc, viết từ ngữ; nói câu có tiếng chứa vần *iêu, yêu*.

## 2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 156.
- HS hoạt động nhóm, quan sát tranh chủ đề, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *uôi*, *ươi* (Có thể sử dụng một số câu hỏi gợi ý giúp HS phát hiện tiếng có âm *uôi*, *ươi*, VD: “Bà và hai bạn nhỏ đang làm gì?” (*làm bánh*), “Trên bàn có loại trái cây gì?” (*chuối*, *bưởi*), “Có lọ gì?” (*lọ muối*), “Thấy hai cháu cùng giúp, bà thế nào?” (*nhìn bé cười*), “Tờ lịch ở trên tường ghi số mấy?” (*mười*)).
- HS nêu các tiếng đã tìm được (*chuối*, *muối*, *bưởi*, *cười*, *mười*); phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng.
- HS phát hiện ra các vần *uôi*, *ươi*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*uôi*, *ươi*).

## 3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

### 3.1. Nhận diện vần mới

#### a. Nhận diện vần *uôi*

- HS quan sát, phân tích vần *uôi* (gồm âm *u*, *ô* và *i*, âm *u* đứng trước, âm *ô* đứng giữa, âm *i* đứng cuối).
- HS đánh vần vần *uôi*: *u-ô-i-uôi*.

#### b. Nhận diện vần *ươi* (tương tự như với vần *uôi*)

#### c. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *uôi*, *ươi*

- HS so sánh vần *uôi*, *ươi*.
- HS nêu điểm giống nhau (đều có âm *i* đứng cuối vần). So sánh với những vần đã học có âm “*i*” đứng cuối tương tự (VD: *ai*, *ui*, *oi*, *ôi*, *ui*, ...).

### 3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “*i*”.
- HS phân tích tiếng đại diện – *chuối* (gồm âm *ch*, vần *uôi* và thanh sắc).
- HS đánh vần tiếng đại diện theo mô hình: *chờ-uôi-chuôi-sắc-chuối*.
- HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: *cười* (*cờ-ươi-cười-huyền-cười*).

## 4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

### 4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *nải chuối*

- HS phát hiện từ khoá *nải chuối*, vần *uôi* trong tiếng *chuối* của từ *nải chuối*.
- HS đánh vần tiếng khoá *chuối*: *chờ-uôi-chuôi-sắc-chuối*.

– HS đọc trơn từ khoá *nải chuối*.

**4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá trái bưởi** (tương tự với từ khoá *nải chuối*)

## 5. Tập viết

### 5.1. Viết vào bảng con

a. *Viết vần uôi và từ nải chuối*

#### a1. Viết vần **uôi**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *uôi*.

– HS viết vần *uôi* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

#### a2. Viết từ **nải chuối**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo chữ *chuối*.

– HS viết từ *nải chuối* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

b. *Viết vần uoi và từ trái bưởi* (tương tự viết *uôi, nải chuối*)

### 5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết vào VTV: *uôi, nải chuối, uoi, trái bưởi*.

– HS nhận xét bài mình, bài bạn; sửa lỗi nếu có.

– HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với bài của mình.

## TIẾT 2

# Chân trời sáng tạo

## 6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

### 6.1. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn và hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *uôi, uoi* (*chuối hạt, tươi cười, buổi sáng, tươi cây*).

– HS giải thích nghĩa của các từ mở rộng và đặt câu với một, hai từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có chứa *uôi, uoi* (VD: *tươi, rươi, suối, tuổi, ...*) và đặt câu.

### 6.2. Đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS đánh vần chữ có âm vần khó (*Mich-ki, thắc mắc, khai sinh*), đọc văn bản.

– HS tìm hiểu nội dung của đoạn, bài (“Cả nhà Minh làm gì?”(xem phim), “Đọc dòng chữ mà Minh nhìn thấy khi đi xem phim.” (*Chúc mừng sinh nhật Mich-ki*).

## 7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Nói gì? (nói về mong muốn của em)*.
- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (GV có thể hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: “Tranh vẽ những ai?, Họ đang làm gì?”, GV yêu cầu HS đọc câu trong bóng nói “Điều mình thích trong ngày sinh nhật...”).
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói về mong muốn của bản thân vào ngày sinh nhật của mình (GV có thể hướng dẫn HS qua các câu hỏi gợi ý: “Em thích làm điều gì/ có được điều gì vào ngày sinh nhật của mình? Vì sao?”; GV có thể tổ chức cho HS hỏi – đáp tương tác.).
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động (nhóm, trước lớp).
- HS vẽ lại điều mình mong muốn vào ngày sinh nhật (có thể tổ chức hoặc không).

## 8. Cũng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *uôi, ươi*.
- Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; đọc mở rộng (lưu ý hướng dẫn cách tìm bài có liên quan chủ đề của tuần).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

# THỰC HÀNH (tiết 9)

## I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các vần *anh, ênh, inh, ươi, iêu, yêu, uôi, ươi*.
2. Nhận diện đúng các vần được học trong tiếng, từ.
3. Đánh vần tiếng có vần mới, tập đọc nhanh tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn câu, đoạn, bài đọc ứng dụng.
4. Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ.
5. Hoàn thành được câu theo từ ngữ/ tranh minh hoạ đã cho.

## II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, VTV, SHS, SGV.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác để tạo tâm thế cho giờ học (ưu tiên trò chơi liên quan đến chủ đề *Sinh nhật*).
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có tiếng chứa vần đã học.

#### 2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

##### 2.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

- HS lắng nghe GV đọc và tìm các tiếng có vần mới học có trong bài *Bức tranh mừng sinh nhật* (VBT, tập một, tr.50), đánh vần các tiếng đó (GV hướng dẫn HS đánh vần theo các mức độ phát triển kỹ năng đánh vần).
- HS đọc trơn tiếng/ từ chứa vần mới được học trong tuần.

##### 2.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc *Bức tranh mừng sinh nhật*.
- HS tìm hiểu nội dung bài đọc (tên bài đọc là gì, Hà và Bo vẽ tranh để làm gì).

#### 3. Luyện tập thực hành các âm vần mới

- HS quan sát các kí hiệu dùng trong VBT.
- HS làm bài tập, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học trong tuần (Tuỳ tình hình HS và thời gian của tiết học, GV có thể lựa chọn các bài tập trong VBT hoặc tự thiết kế bài tập cho HS).
- HS rà soát, sửa lỗi nếu có.

#### 4. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có âm chữ mà HS thường mắc lỗi khi đọc viết (Chú ý các trường hợp dễ nhầm lẫn như *anh-ăng, ênh-ên, iêu-iu, ...*).
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho bài học sau (Bài *Ôn tập và kể chuyện*).

## BÀI 5: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (SHS, tr.158 – 159)

### A. ÔN TẬP (tiết 10 – 11)

#### I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Ôn luyện và củng cố được các vần *anh, ênh, inh; uou; iêu, yêu; uôi, uoi*.
2. Sử dụng được các vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.
3. Đánh vần thầm và gia tăng tốc độ đọc trơn bài đọc.
4. Thực hiện đúng các bài tập chính tả.
5. Viết đúng cụm từ ứng dụng, tập chép đúng hai dòng thơ.
6. Luyện nói và mở rộng vốn từ về chủ đề của tuần học.

#### II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc (nếu có).

#### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

##### TIẾT 1

##### 1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi (GV có thể sử dụng trò chơi có cài đặt một số từ ngữ có vần được học và có liên quan đến chủ đề).
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần mới được học.

##### 2. Ôn tập các vần được học trong tuần

- HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.
- HS đọc các vần đã được học trong tuần (Gợi ý: Có thể tổ chức dưới dạng trò chơi học tập, như dán thẻ từ trên bảng, hoặc khoanh tròn các chữ trong một bảng chữ theo kiểu giải ô chữ đã được chuẩn bị trước; hoặc GV đưa danh sách vần, HS đọc; hoặc cho HS đọc bảng vần trong SHS.).
  - HS tìm điểm giống nhau giữa các vần *anh, ênh, inh; uou; iêu, yêu; uôi, uoi*.
  - HS tìm từ ngữ chứa tiếng có vần *anh, ênh, inh; uou; iêu, yêu; uôi, uoi*.
  - HS nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần vừa tìm.

### 3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS nghe GV đọc bài *Sinh nhật của em*, dùng ngón trỏ chỉ vào các tiếng có vần được học trong tuần (*sinh, hạnh, yêu, bánh, linh, quanh, tuổi, tươi cười*).
- HS đánh vần các tiếng có vần đã học trong tuần (đánh vần thầm, từ có mấp máy môi đến không mấp máy môi).
- HS đọc thành tiếng văn bản.
- HS tìm hiểu về văn bản (“Hãy cho biết tên của bài em vừa đọc.”, “Ngày sinh nhật của bạn nhỏ trong bài thơ có những gì?”, “Bạn bè làm gì trong ngày sinh nhật của bạn nhỏ trong bài thơ?”, “Có những nhân vật nào được nhắc đến trong bài?”, “Nêu những hình ảnh em thích có trong bài.”, “Vào ngày sinh nhật của mình, em làm những gì?”,...)

## TIẾT 2

### 4. Tập viết và chính tả

#### 4.1. Tập viết cụm từ ứng dụng

- HS đánh vần các từ có trong cụm từ ứng dụng *mừng sinh nhật*. (GV giải thích nghĩa của cụm từ.)
- HS tìm từ có chứa vần đã học trong tuần (*sinh*).
- HS quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của tiếng trong cụm từ.
- HS viết cụm từ ứng dụng vào vở.

#### 4.2. Nhìn – viết (Tập chép)

- HS đánh vần các tiếng có vần *ui, ăng* trong hai dòng thơ cuối (nếu cần).
- HS đọc hai dòng thơ cần tập chép (*Cảm ơn bè bạn/ Chia vui tặng quà*); HS đánh vần các tiếng có vấn đề về chính tả, VD: *cảm, ơn, bạn, chia, tặng, quà*; GV có thể hướng dẫn cho HS những lưu ý cần thiết tùy thực tế của HS và của lớp học).
- HS nghe GV hướng dẫn cách viết chữ đầu dòng thơ – chữ C
- HS chép hai dòng thơ vào vở (HS có thể dùng chữ C in hoa).
- HS kiểm tra bài tập chép, sửa lỗi nếu có.

#### 4.3. Bài tập chính tả

- HS thực hiện bài tập chính tả vào VBT (Dựa trên cơ sở bài đọc và tên chủ đề, GV tự soạn bài tập cho HS. Bài tập chính tả quy tắc hay chính tả phương ngữ tùy thuộc vào lỗi chính tả thường gặp/ những trường hợp chính tả mà GV muốn luyện tập cho HS lớp mình.).
- HS kiểm tra bài làm, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), sửa lỗi nếu có.



– HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

### 5. Hoạt động mở rộng

– HS luyện nói về chủ đề *Sinh nhật* (GV chủ động thiết kế nội dung này nhằm giúp HS mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề, VD: nói về những hoạt động thường diễn ra vào một ngày sinh nhật, điều mình mong ước vào ngày sinh nhật, ngày sinh nhật đáng nhớ nhất của bản thân,...).

(Ngoài ra, tùy vào nội dung bài học và thời gian cho bài học, GV có thể cho HS hát/ đọc đồng dao, đọc thơ, hát bài hát thiếu nhi vui nhộn (ưu tiên bài có nhiều tiếng có vần vừa được ôn và liên quan đến chủ đề của tuần học).)

### 6. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng/ từ chứa vần vừa được ôn tập, nhắc lại mô hình vần được học.

– Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; hướng dẫn HS đọc mở rộng.

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Kể chuyện *Sinh nhật đáng nhớ của mèo con*).

## B. KỂ CHUYỆN (tiết 12)

### I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện và tranh minh họa.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh họa và câu hỏi dưới tranh.
3. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.
4. Sử dụng âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.
5. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
6. Biết tôn trọng bố mẹ, bạn bè; biết chúc mừng, nói và đáp lời chúc mừng.

### II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, SGK.

– Tranh minh họa truyện phóng to (nếu có).

– Mặt nạ mèo con, mèo mẹ, gấu, thỏ, sóc (nếu có) (GV tự tạo mặt nạ các nhân vật bằng cách vẽ phác họa hình các con vật vào giấy A4 hoặc giấy bìa,... để dùng cho đóng vai.).

## Nội dung truyện

### Sinh nhật đáng nhớ của mèo con

1. Vừa sáng sớm, mẹ trao quà sinh nhật cho mèo con. Vừa háo hức mở ra, mèo con bỗng nhăn mặt, nói:

- Con thích váy màu hồng cơ.
- Để mẹ ra chợ đổi lại.

2. Nghe tiếng lao xao ngoài ngõ, mèo con chạy ra mời các bạn vào nhà.

3. Tặng hộp quà cho mèo, gấu nói:

- Bánh tự tay tớ làm đấy.
- Bánh mẹ tớ làm rồi. Mà tớ không thích bánh mật ong.

Thỏ vừa đưa gói quà, mèo mở ra, bĩu môi:

- Cá thì ngày nào tớ cũng ăn.

Khi sóc đưa bó hoa và kể sóc dậy rất sớm để hái, mèo kêu lên:

- Cậu để lên bàn đi! Kèo bản váy của tớ!

Không ai bảo ai, thỏ, sóc, gấu cùng đứng lên, xin phép mẹ mèo con, rồi ra về.

4. Nghe mẹ nói tại sao các bạn lại xin phép ra về, mèo con hối hận. Nó chạy lao ra ngõ, xin lỗi các bạn và mời các bạn vào dự tiệc.

(Nguyễn Thị Hương kể theo *Sinh nhật của Mèo con*, Phim hoạt hình)

#### Câu hỏi:

1. Vì sao thỏ, gấu và sóc xin phép ra về?
2. Em thử đoán xem các bạn của mèo con có quay lại dự tiệc sinh nhật không?

## II. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí đồng đội, phù hợp với chủ đề *Sinh nhật*.
- HS trả lời một vài câu hỏi về truyện kể tuần trước. VD: “Tên câu chuyện là gì?”, “Câu chuyện kể về những ai?”, “Em thích nhân vật/ chi tiết nào nhất? Vì sao?”...

### 2. Luyện tập nghe và nói

- HS đánh vần và đọc trơn tên truyện *Sinh nhật đáng nhớ của mèo con*.
- Dựa vào tranh minh họa, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những con vật nào?” / “Những con vật nào xuất hiện nhiều?” (*mèo con*), “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*Nhà của mèo con*), “Chuyện gì xảy ra trong ngày sinh nhật mèo con?” (*Mọi người đến dự tiệc đồng*

loạt xin ra về), “Câu chuyện kết thúc thế nào?” (Mèo con hối hận, xin lỗi mọi người và mời các bạn trở vào dự tiệc).

– HS nghe giới thiệu bài mới (GV có thể vừa dùng tên truyện vừa dùng tranh minh hoạ để giới thiệu).

### 3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS quan sát tranh minh hoạ và trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh. (Gợi ý: Trong trường hợp HS chưa đọc được câu hỏi dưới tranh, GV có thể đọc giùm. GV sử dụng thêm các câu hỏi phụ để giúp HS nhận diện các yếu tố truyện có trong tranh như nhân vật chính, tình tiết chính tương ứng với mỗi tranh. VD: “Bức tranh một/ hai/ ba/ bốn có mấy nhân vật?”, “Những nhân vật đó đang làm gì/ ở đâu?”, “Ở tranh một và tranh ba, em thấy gương mặt mèo con như thế nào khi nhận quà của mẹ và các bạn?”, “Em nghĩ mẹ và các bạn sẽ cảm thấy như thế nào?”,...)

– HS trao đổi với bạn về nội dung của từng tranh. GV giúp HS phát triển ý tưởng và lời nói bằng các kĩ thuật mở rộng ý, thêm từ ngữ.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ, trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (“Nhờ đâu mà mèo con nhận ra mình đã sai?”, “Qua câu chuyện, em rút ra được những điều gì không nên làm?”; “Em thích nhân vật nào? Vì sao?”,...)

### 4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện *Sinh nhật đáng nhớ của mèo con*, nhân vật HS yêu thích, lí do yêu thích.

– HS biết đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Chủ đề *Ước mơ*).